Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
I	**LĨNH VỰC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**							
1	Đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon (1.014129.H42)	05 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	X	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; - Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP và Nghị định số 83/2026/NĐ-CP; - Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
2	Đăng ký/Điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước (1.014136.H42)	15 ngày làm việc và 47 ngày. - Thời hạn kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thời hạn đăng tải hồ sơ lấy ý kiến rộng rãi: 01 ngày làm việc. - Thời hạn lấy ý kiến rộng rãi: 30 ngày. - Thời hạn tổng hợp và thông báo ý kiến: 05 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ sau hoàn thiện: 03 ngày làm việc. - Thời hạn lấy ý kiến về việc phê duyệt đăng ký dự án: 03 ngày làm việc và 10 ngày. - Tổ chức đánh giá, quyết định phê duyệt đăng ký dự án: 07 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	X	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; - Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP và Nghị định số 83/2026/NĐ-CP. - Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
3	Thay đổi thành phần tham gia dự án (1.014131.H42)	10 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	X	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; - Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP và Nghị định số 83/2026/NĐ-CP; - Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	X	
4	Hủy đăng ký dự án (1.014132.H42)	30 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	X	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; - Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP và Nghị định số 83/2026/NĐ-CP; - Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
5	Cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước (1.014133.H42)	06 ngày làm việc và 30 ngày. - Thời hạn kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc. - Thời hạn gửi hồ sơ lấy ý kiến: 03 ngày làm việc. - Thời hạn góp ý kiến: 15 ngày. - Trình phê duyệt và trả kết quả giải quyết: 15 ngày.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	X	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; - Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP và Nghị định số 83/2026/NĐ-CP; - Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ.	X	
6	Hủy đăng ký tín chỉ các-bon tự nguyện (2.002848.H42)	02 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	X	- Thông tư số 11/2026/TT-BNNMT ngày 13/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	X	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
7	Chuyển quyền sở hữu hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon ngoài hệ thống giao dịch các-bon (2.002849.H42)	07 ngày làm việc. - Thời hạn kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: 02 ngày làm việc. - Thời hạn xem xét, cập nhật quyền sở hữu: 05 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Không quy định	X	- Thông tư số 11/2026/TT-BNNMT ngày 13/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	X	

Ghi chú: Các TTHC lĩnh vực Biến đổi khí hậu có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2026.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý quy định sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính	DVC trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
I	**LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**							
1	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (1.010733.H42)	Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: Không quy định. Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: a) Trước ngày 01/7/2026: - Không quá 20 ngày đối với dự án đầu tư nhóm II; - Không quá 10 ngày đối với dự án đầu tư công đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công. b) Từ ngày 01/7/2026: - Không quá 20 ngày đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thẩm định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Không quá 10 ngày đối với trường hợp dự án đầu tư công đặc biệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công. Thời điểm thông báo kết quả: Trong thời hạn thẩm định. Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: Không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian chủ dự án đầu tư chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đánh giá tác động môi trường theo yêu cầu của Cơ quan thẩm định không tính vào thời hạn thẩm định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công	11.000.000 đồng/báo cáo; (Mức thu phí trong thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến: bằng 70% mức thu của từng khoản phí tương ứng quy định tại Chương I Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2025/NQ - HĐND ngày 30/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình.	X	- Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ; - Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.		x

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính
I	**LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**		
1	1.010735.H42	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ.
2	1.010730.000.00.00. H42	Cấp lại giấy phép môi trường	
II	**LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI**		
1	1.012789.H42	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ.
III	**LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN**		
1	1.013863.H42	Phê duyệt kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh.	Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ.
2	1.014026.H42	Phê duyệt điều chỉnh một phần kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh.	